

Số: **57** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **16** tháng **4** năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu

Thực hiện Quyết định số 87/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 27/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 02/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

#### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154060 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 29/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/5/2021.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển đàn bò sữa; chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ sữa; chế biến và bán thức ăn gia súc.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: tiểu khu cơ quan, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Tài khoản số 4120000048 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, địa chỉ: số 188, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Điện thoại giao dịch: 021.2386.6065.

- Doanh nghiệp đã có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 777 người.

#### II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

##### 1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương. Doanh nghiệp chưa thông báo về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 với cơ quan bảo hiểm xã hội.





- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

## **2. Tuyển dụng và đào tạo lao động**

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

## **3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)**

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 03 người, đang thử việc.

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 774 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 725 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 49 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.

- Số người lao động thuê lại: 0 người.

- Số người lao động chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0 người.

- Kiểm tra 10 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động, nội dung hợp đồng lao động ghi chưa chi tiết: mục công việc phải làm ghi "...các công việc phát sinh khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Công ty", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu công việc và sự phân công của lãnh đạo Công ty".

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 103 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 17 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 529.345.000 đồng.

## **4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)**

- Doanh nghiệp đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.



- Doanh nghiệp đã tổ chức thương lượng tập thể và ký kết TULĐTT. Hồ sơ TULĐTT chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại.

- Đã thực hiện đúng nội dung TULĐTT.

- Đã gửi TULĐTT đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc. Quy chế dân chủ cơ sở chưa đúng quy định, cụ thể:

+ Chưa quy định nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc.

+ Chưa quy định trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại.

### **5. Tiền lương và trả công lao động**

- Mức lương thấp nhất doanh nghiệp áp dụng là 5.500.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 5.500.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 62.000.000 đồng/người/tháng; bình quân: 14.161.792 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương đúng quy định.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: doanh nghiệp thực hiện theo quy định.

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật.

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ ăn ca mức 25.000 đồng/người/ngày.

### **6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi**

- Doanh nghiệp bố trí làm việc 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần.

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường là 12 ngày/năm, người làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 14 ngày/năm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.



## **7. Kỹ luật lao động, trách nhiệm vật chất**

- Doanh nghiệp đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Mộc Châu. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định, cụ thể: Điều 8 về làm thêm giờ, làm việc trong ngày nghỉ, ngày lễ có hưởng lương quy định: “Công ty sẽ bố trí để NLĐ được nghỉ bù tương ứng với số thời gian đã không được nghỉ vì phải làm thêm giờ cho Công ty. Trường hợp không thể giải quyết nghỉ bù cho NLĐ, Công ty sẽ trả tiền làm thêm giờ theo đúng quy định”.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động theo các hình thức; trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

## **8. Lao động đặc thù**

### **8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ**

- Doanh nghiệp đang sử dụng 285 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

### **8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

### **8.3. Đối với lao động là người nước ngoài**

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

### **8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi**

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi.

- Việc thỏa thuận rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với người lao động cao tuổi: không.



## **9. Khiếu nại, tranh chấp lao động**

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

## **10. An toàn lao động, vệ sinh lao động**

- Doanh nghiệp đã phân loại 218 lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không sử dụng người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 419 người.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; có quy chế hoạt động; an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách.

- Đã bố trí 02 người làm công tác y tế.

- Doanh nghiệp sử dụng 49 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.

- Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động theo quy định. Số người chưa được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động: 0 người. Số theo dõi cấp thẻ an toàn lao động không ghi ngày huấn luyện định kỳ.

- Doanh nghiệp đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Doanh nghiệp đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại với mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra: 0 vụ.

- Việc thực hiện chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động: không phát sinh.

- Doanh nghiệp đã quan trắc môi trường lao động năm 2023; số mẫu đã đo: 195 mẫu; số mẫu đạt tiêu chuẩn: 193 mẫu; số mẫu không đạt tiêu chuẩn: 02 mẫu.

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.



- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường, người lao động động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động cao tuổi, lao động nữ theo quy định.

### **11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 766 người; số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp: 774 người; số người không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: 11 người (03 người trong thời gian thử việc, 08 người đã tham gia tại đơn vị khác).

+ Số người đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 766 người; số người đã tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 774 người.

+ Số người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 0 người

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trên hợp đồng lao động và khoản hỗ trợ từ kết quả công việc được nhận.

- Số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tháng 02/2024: 6.239.238.890 đồng..

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội; số tiền chậm đóng: 0 đồng.

### **III. KẾT LUẬN**

#### **1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện**

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện các báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động và báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng lao động.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký kết và thực hiện TULĐTT.

1.7. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc.

1.8. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm, tiền lương làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

1.9. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 25.000 đồng/người/ngày.



- 1.10. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.
- 1.11. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.
- 1.12. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.
- 1.13. Doanh nghiệp đã phân loại lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- 1.14. Đã thống kê số lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- 1.15. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.
- 1.16. Đã thành lập Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở.
- 1.17. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; có quy chế hoạt động; an toàn, vệ sinh viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm.
- 1.18. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động chuyên trách.
- 1.19. Đã bố trí 02 người làm công tác y tế.
- 1.20. Đang sử dụng 49 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được kiểm định đạt yêu cầu.
- 1.21. Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
- 1.22. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và người lao động theo quy định.
- 1.23. Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.
- 1.24. Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại với mức 13.000 đồng/người/ca làm việc.
- 1.25. Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động.
- 1.26. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- 1.27. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động làm công việc bình thường, người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động cao tuổi, lao động nữ theo quy định.
- 1.28. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

## **2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ**

- 2.1. Chưa thông báo tình hình thay đổi lao động định kỳ 06 tháng đầu năm và cả năm 2023 đến cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định



chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.2. Nội dung của 10 hợp đồng lao động được kiểm tra chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi "...các công việc phát sinh khác theo sự phân công của lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Công ty", mục địa điểm làm việc ghi "...các địa điểm khác theo yêu cầu công việc và sự phân công của lãnh đạo Công ty" là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, Hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc có nội dung không đúng quy định tại Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, cụ thể:

- Chưa quy định nguyên tắc đối thoại tại nơi làm việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 37.

- Chưa quy định trách nhiệm của các bên khi tham gia đối thoại theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 37.

2.5. Nội quy lao động có nội dung không đúng quy định, cụ thể: doanh nghiệp quy định "Công ty sẽ bố trí để NLĐ được nghỉ bù tương ứng với số thời gian đã không được nghỉ vì phải làm thêm giờ cho Công ty. Trường hợp không thể giải quyết nghỉ bù cho NLĐ, Công ty sẽ trả tiền làm thêm giờ theo đúng quy định" là không đúng quy định tại Điều 98 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Sở theo dõi cấp thẻ an toàn lao động không ghi ngày huấn luyện định kỳ theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.8. Doanh nghiệp chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.



**IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG**

Không.

**V. HẠNG CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC**

Không.

**VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/5/2024./.

**Nơi nhận:**

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Nguyễn Thị Hồng Diệp**

